

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÁNH LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2020/HNGĐ-ST.**

Ngày: 09/7/2020.

V/v: “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH,  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mạnh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Đăng Tuấn.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

**- Th ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên  
tòa:** Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Cháu Nguyễn N Bảo Nhi, sinh ngày 19/4/2007; Nơi cư trú: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\*/ Thể hiện trong đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị N yêu cầu:*

Về hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã Đ vào năm 1995. Quá trình chung sống không có hạnh phúc nên chị N đã làm đơn xin ly hôn với anh T. Nguyên nhân ly hôn là do trong thời gian còn chung sống, anh T hay ghen tuông vô cớ, xúc phạm gây áp lực cho chị

N. Còn hiện nay giữa chị N và anh T đã sống ly thân, được thời gian gần một năm, trong thời gian này chị N xác định không còn tình cảm với anh T, không mong muốn quay về chung sống vì hôn nhân không hạnh phúc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh T có hai con chung tên Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1995 và Nguyễn Ngọc Bảo Nh, sinh ngày 19/4/2007. Khi giải quyết ly hôn thì chị N có yêu cầu xin được quyền nuôi cháu Nh cho đến khi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn chị N cung cấp bao gồm: Bản sao trích lục kết hôn; bản sao khai sinh con chung; phô tô (có chứng thực) chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị N, Nguyễn Minh T và sổ hộ khẩu.

*\*/ Quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Minh T trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn như sau:*

Về hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị N là vợ chồng, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 1995. Theo yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh T không đồng ý, vì bản thân vẫn còn tình cảm với chị N, anh T luôn chung thủy và có trách nhiệm với vợ con. Vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, tuy xảy ra một vài mâu thuẫn trong cuộc sống nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Thời gian qua thì vợ chồng sống ly thân, chị N vào TPHCM ở cùng các con, vợ chồng vẫn thường liên lạc với nhau.

Về con chung: Anh T thừa nhận trong thời gian chung sống anh và chị N có hai người con chung tên Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1995 và Nguyễn N Bảo Nh, sinh ngày 19/4/2007. Trường hợp giải quyết ly hôn thì anh T yêu cầu được quyền chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nh cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Minh T không cung cấp tài liệu, chứng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Th ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn N Bảo Nh, sinh ngày 19/4/2007 cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn anh Nguyễn Minh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Ngọc Bảo Nh đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị N:

Chị N và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ năm 1995. Lý do mà chị N yêu cầu ly hôn với anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm và cách sống; thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ trong cuộc sống, anh T không tin tưởng chị N mà thường ghen tuông, gây áp lực cho chị, thậm chí còn xúc phạm đến chị N. Anh T thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức nghiêm trọng phải ly hôn, bản thân vẫn còn tình cảm với chị N nên không chấp nhận ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa chị N và anh T nhưng không thành vì chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, không muốn kéo dài cuộc sống hôn nhân với anh T nữa, anh T không chấp nhận ly hôn vì bản thân anh vẫn còn tình cảm và thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng.

Xét thấy hiện nay chị N và anh T đã sống ly thân, không có sự quan tâm và không sống cùng với nhau; trong thời gian còn sống chung giữa anh T và chị N thừa nhận có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Điều này phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T tại địa phương. Qua đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, quyết định chị N được ly hôn với anh T, theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có hai người con chung, trong đó có một con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn N Bảo Nh, sinh ngày 19/4/2007 hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn chị N và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nh cho đến khi thành niên. Xét thấy yêu cầu xin nuôi con của các bên đều chính đáng nhưng nguyện vọng của cháu Nh muốn được sống với mẹ. Thực tế cháu Nh đang do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Để đảm bảo quyền lợi chính đáng và tránh xáo trộn về môi trường sống, xét thấy cần tiếp tục giao cháu Nh cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, anh T được quyền thăm nom chăm sóc con, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Cần buộc chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, điểm b, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. *Về con chung:*

+ Tiếp tục giao cho chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Nguyễn Ngọc Bảo Nh, sinh ngày 19/4/2007 cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

+ Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn đã nộp theo biên lai số N.003370, ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn, bị đơn sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã Đ;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trần Mạnh Trí**